

KET VOCABULARY

TOPIC 6: ENTERTAINMENT AND MEDIA

No.	Words	Meaning
1.		Diễn xuất
2.		Nam diễn viên, nữ diễn viên
3.		Mạo hiểm
4.		Quảng cáo
5.		Bài báo
6.		Phim hoạt hình
7.		Rạp xiếc
8.		Nhạc cổ điển
9.		Buổi hòa nhạc
10.		Buổi trưng bày
11.		Lễ hội
12.		Nhạc cụ
13.		Nhà báo
14.		Tạp chí
15.		Nhạc sỹ
16.		Nhạc kịch
17.		Bức ảnh
18.		Nhiếp ảnh gia
19.		Nghề chụp ảnh
20.		Thực hành
21.		Chương trình

22.		Dự án
23.		Nhạc nhịp mạnh
24.		Nhà hát
25.		Nhà văn